

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

QUYỂN 75

Phẩm 7: NÓI VỀ TRÍ (PHẦN 3)

Như thế là đã nói sự sai khác giữa các trí. Những công đức được thành tựu do trí nay sẽ chỉ rõ.

Trong đó, trước hết nói về đức không chung của Phật. Và lại, đầu tiên thành Phật, ở quả vị Tận trí của pháp Phật không chung có mười tám thứ, mười tám? Thứ ấy là, bài tụng nói:

*Mười tám pháp không chung
Là mười lực v.v.. của Phật.*

Luận nói: Mười lực, bốn vô úy, ba niêm trụ và đại bi.

Như thế, gọi chung là mười tám pháp không chung. Chỉ khi đối với Tận trí của chư Phật tu, vì Thánh khác không có, nên gọi là không chung. Và lại, sự sai khác giữa mười lực của Phật ra sao? Tụng rằng:

*Lực xứ, phi xứ mười
Nghịệp tám, trừ diệt, đạo
Định căn, giải giới chín
Khấp đường chín hoặc mười
Túc trụ, tục, tử sinh
Tận sáu hoặc mười trí
Trí túc trụ tử sinh
Dựa tĩnh lực chung khác
Thân Phật, Nam Thiệm bộ
Không ngăn ngại đối cảnh.*

Luận nói: Mười lực của Phật là:

1. Trí lực xứ, phi xứ: Dùng đủ mười trí của Như Lai làm tánh.

Căn cứ nghĩa nào để đặt ra danh từ lực này?

Căn cứ trong kinh, Đức Phật tự nói thế này: Bí-sô lắng nghe! Như Lai đối với xứ, biết như thật là xứ, đối với phi xứ, Như Lai biết như thật

là phi xứ, cho đến nói rộng.

Biết công năng tự tánh của tất cả pháp về lý nhất định có, gọi là trí xứ.

Biết công năng tự tánh của tất cả pháp, về lý nhất định chẳng phải có, gọi là trí phi xứ.

Trí này duyên chung cảnh của tình, và phi tình, đều không trái với Nhất thiết trí, e vì đối với thuyết nói giản đơn, ít công sức, khó tỏ ngộ, nên trong đây lại phân ra chín trí khác nhau. Như Đức Bạc-già-phạm, trong kinh Đa Giới, tự phân biệt rộng về hành vi ác của thân v.v... của nghĩa xứ, phi xứ, cảm quả phi ái, chắc chắn có việc này, cảm quả khả ái, sẽ không có việc này, cho đến nói rộng.

Trong kinh ấy chưa nói, nghĩa là ta đã căn cứ ở giáo khác lại phân biệt đơn giản: Các Như Lai cũng có lỗi lầm, đối với pháp lẽ ra phải phân biệt, mà hoàn toàn ghi nhận, không có lực, không có vô úy, ba niêm trụ v.v... công đức không chung, sẽ không có việc này. Các Thánh cũng khởi hoặc do Kiến đạo đoạn, tội che giấu, đọa đường ác, sẽ không có việc này.

Người tạo Vô gián, hiện thân kiến pháp rơi vào tánh tà, hiện nhập chánh tánh, trong pháp ngoại đạo, có Sa-môn chân thật, có người dù thọ sinh mà không có tử. Có người Bất hoàn, lại sinh cõi Dục, có khi A-la-hán lại thọ hữu sau, có xả hai thứ thức, cũng là xứ hiện hành. Có mười ba giới, có mười chín uẩn, có đời thứ sáu, có đế thứ bốn, có thứ năm, hẳn không có việc này! Như Lai bị các sử, có khả năng ngăn dứt, chấm dứt. Sử của Đức Thế Tôn, nghĩa là sự nghiệp chưa dứt ráo. Chánh ở định tử, trong định Diệt tận, người Tùy tín hành, tùy pháp hành, có khả năng làm tổn hại, người Câu Lô ở phía Bắc, chết đọa trong đường ác, và có trung, yếu, sẽ không có việc này.

Các hành không diệt, Niết-bàn vô thường, phàm phu có khả năng dứt trừ hoặc Hữu đẳng, ở một nối tiếp nhau, hai tâm đều vận hành, vô lậu làm nhân, chiêu cảm quả dị thực. Năm thức được tương ứng với chi giác. Trong phần vị ngủ, chiêm bao, có sinh, có tử, đắc quả, lìa sục v.v... sẽ không có việc này.

Có thân năm thức không có tâm, không có tứ, duyên gọi quá khứ, vị lai lìa thế gian làm cảnh. Có tử, thiệt, thức hữu phú, vô ký. Có người sinh cõi trên, nhập hiện quán, có khi tai thấy sắc, có khi mắt nghe tiếng, lưỡi nếm mùi hương v.v... sẽ không có việc này.

Các loại như thế, được gọi là phi xứ, trái với đây đều gọi là việc này.

Há không là xứ trí đã biết phi xứ. Các phi xứ trí, cũng đã biết xứ, đâu cần gì phải nhọc công nói song song danh từ xứ, phi xứ? Mặc dù về lý, thật sự là như thế, nhưng nói cả hai là vì muốn ngăn dứt cấm luận vô nhân, nên nói tên việc này, vì muốn ngăn dứt luận của nhân ác, nên nói tên phi xứ. Căn cứ vào thể của một trí, nói cả hai, không có lỗi.

Làm sao biết được ở trong lực của một xứ, phi xứ, e giản lược khó tỏ ngộ, nên phải phân tích ra chín lực khác? Vì lực khác đều có nghĩa của lực này, nghĩa là như thật biết hành vi ác, có công năng chiêu cảm dị thực đáng yêu, hạnh diệu có công năng chiêu cảm dị thực phi ái, sẽ không có việc này. Trái với đây, chắc chắn có việc này.

Lại, biết như thật thuận với phần thoái, nhất định có khả năng bắt kịp đức cao quý, thuận với phần thắng tiến, công năng dẫn dắt lui sụt lại đọa, sẽ không có việc ấy, trái với đây chắc chắn có việc này.

Lại, biết như thật nếu phẩm căn này có thể chứng quả này, căn này chưa mãn, cõi này đã chứng, tất nhiên không có việc này, trái với đây chắc chắn có việc này.

Lại, như thật biết thắng giải thấp kém, thô bỉ, xấu ác, ghét mừng, vui, có thể theo kịp đức thù thắng, sẽ không có việc ấy, trái với phi việc này, chắc chắn có việc này.

Lại, biết như thật tánh giới của các loài hữu tình đều riêng, mà tình khế hợp, tất nhiên không có việc này, trái với phi việc này, chắc chắn có việc này.

Lại, biết như thật hành động hưởng đến sự sinh tử, có công năng chứng Niết-bàn, hành động hưởng Niết-bàn, có khả năng chiêu cảm sinh tử, sẽ không có việc này, trái với đây, chắc chắn có việc này.

Lại, biết như thật hữu thủy của bờ mé trước, sẽ không có việc ấy, trái với đây, thì nhất định có việc này.

Lại, như thật biết chưa dứt, sinh kết, chết rồi không sinh. Hoặc người kia đã sinh, rốt ráo không tử, hoặc người kia không đi qua cõi thiện, đường ác, tất nhiên không có việc ấy, trái với đây chắc chắn có việc này.

Lại, biết như thật tác ý phi lý, có thể đắc lậu tận, sẽ không có việc ấy, trái với đây chắc chắn có việc này.

Trong mỗi lực như thế, ta lược nêu góc độ, nhằm biểu thị rõ xứ, phi xứ. Nếu muốn biết tường tận việc kia, thì nói năng, biện luận vô cùng, nên đều gọi xứ, phi xứ lực, e vì giản đơn khó tỏ ngộ, nên đặt riêng tên khác.

2. Trí lực nghiệp dị thực, tám trí làm tánh, trừ trí diệt, đọa, nghĩa

là khéo phân biệt loại nghiệp như thế, chiêu cảm các quả dị thực như thế. Trí không có ngăn ngại, gọi là lực trí của dị thực của nghiệp, hoặc nói gọi là lực trí của nghiệp mình, nghĩa là khéo phân biệt quả loại như thế, là nghiệp lực do mình đã gây ra đã chiêu cảm, vợ, con v.v.... không thể san sẻ, gánh vác được.

Với loại nghiệp như thế, sẽ chiêu cảm quả mình, không thể trao đổi, trí không có ngăn ngại, gọi là lực trí của nghiệp mình.

Lại, Đức Phật tự nói về tướng của lực này: Bí-sô hãy lắng nghe! Phật đã chấp nhận xứ riêng, nhân riêng, sự riêng, quả khác nhau của các pháp nghiệp ở quá khứ, vị lai, hiện tại, đều biết như thật, cho đến nói rộng.

Các nghiệp có ba pháp, thọ có bốn, vì nghiệp và pháp, thọ, nên gọi là nghiệp. Pháp thọ hoặc vì pháp của nghiệp, nên gọi pháp nghiệp, tức là nghĩa phẩm loại của các nghiệp. Đây là biểu thị sự sai khác của phẩm loại các nghiệp xứ v.v... trong quá khứ v.v... của Như Lai và quả đã thọ nhận, có khả năng biết như thật.

Chỗ khác trong đây: Nghĩa là nơi chốn khác, biết ở xứ kia đã tạo nghiệp như thế, sẽ ở xứ kia nghiệp này mới thực, nghĩa là biết nghiệp này tạo ở xứ trời v.v... nghiệp này sẽ ở xứ người v.v... thành thực. Đây gọi là biết rõ như thật về xứ riêng.

Nói nhân khác: Là nghĩa duyên riêng, biết nghiệp như thế, gặp duyên này thành thực, hoặc biết nghiệp này do duyên này gây ra, đây gọi là biết rõ như thật về nhân riêng.

Nói sự khác: Là nghĩa vật thể khác: Biết nghiệp như thế, đến khi thành thực, với sức năng dẫn sinh vật khác như sắc v.v... Hoặc tức biết tự tánh, nghiệp không đồng, gọi là biết sự riêng, nghĩa là biết nghiệp này lấy vật này làm tánh, nghiệp khác thì không đúng. Đó gọi là biết rõ như thật về việc riêng.

Nói quả khác: Là nghĩa dị thực khác. Biết nghiệp như thế nhất định sẽ chiêu cảm quả dị thực. Nghiệp này không nhất định có thể chiêu cảm dị thực. Dị thực của nghiệp này trải qua ngàn ấy thời gian, có không đúng, nghĩa là nghiệp dị thực này còn có hữu, vô dư khác.

Sự sai khác của loại dị thực như thế v.v... rất tinh tế, khó hiểu rõ, mà có khả năng biết rõ. Đây gọi là biết rõ như thật về quả riêng.

3. Trí lực tính lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí.

4. Trí lực căn thượng hạ.

5. Trí lực chủng chủng thắng giải.

6. Trí lực chủng chủng giới.

Bốn lực như thế, đều có tánh là chín trí, chỉ trừ diệt trí. Nghĩa là biết như thật tự tánh các tính lực v.v... gọi là đắc, dùng phương tiện gồm nhiếp, gìn giữ vị tịnh, vô lậu, thuận với lui sụt trụ, tiến tới phần quyết trạch v.v...

Trí không có ngăn ngại, gọi là lực trí tinh lực v.v...

Lại, Đức Phật tự nói về tướng của lực này: Bí-sô lắng nghe! Phật đối với đẳng chí, đẳng trì, giải thoát tĩn lực, tạp nhiễm, thanh tịnh, an lập, đều nhận biết như thật, cho đến nói rộng.

Về tướng tĩn lực v.v... (ở phẩm Định sẽ nói).

Tạp nhiễm là làm chướng ngại cho việc chứng tĩn lực v.v... thanh tịnh. Nghĩa là tức các pháp thanh tịnh này. Các pháp tịnh, trụ, gọi là an lập. Hoặc thuận theo phần thoái, gọi là tạp nhiễm, thuận với phần thắng tiến, thuận với phần quyết trạch, gọi là thanh tịnh, thuận với phần trụ gọi là an lập.

Nếu biết như thật các loại hữu tình có khả năng theo kịp trí không ngăn ngại đối với sự sai khác của phẩm thắng đức căn, gọi là lực trí của căn thượng, hạ.

Lại, Đức Phật nói về tướng của lực này rằng: Bí-sô hãy lắng nghe! Phật đối với các căn thượng, hạ của hữu tình, đều biết như thật, cho đến nói rộng.

Ý này biểu thị Đức Phật biết các căn hơn kém của các hữu tình không có sai lầm. Mặc dù có căn bậc trung mà đối đãi hơn kém, là vì thuộc về kém, hơn, nên không nói riêng.

Tên căn trong đây gọi là pháp nào?

Nghĩa là người tín v.v... dứt thiện căn, nghĩa là trong nối tiếp nhau chung, cũng có pháp thiện như tín v.v... quá khứ, vị lai, hoặc gọi ý v.v...

Nếu biết như thật sự sai khác của hỷ, lạc của các loại hữu tình, trí không ngăn ngại, gọi là lực trí chủng chủng thắng giải.

Lại, Đức Phật tự nói về tướng của lực này: Bí-sô hãy lắng nghe! Đối với các thứ Thắng giải của hữu tình, đều biết như thật, cho đến nói rộng.

Ý này biểu thị Đức Phật biết các phẩm loại sai khác mỗi thứ hỷ, lạc của hữu tình, vì thắng giải hỷ, lạc, gọi là sai khác.

Nếu như thật biết các loại hữu tình, từ vô thủy của bờ mé trước, thường tu tập mà được thành. Tùy miên của chí tánh, và trí không có trở ngại đối với các thứ sai khác của các pháp tánh, gọi là trí lực chủng chủng giới.

Lại, Phật tự nói về tướng của năng lực này: Bí-sô hãy lắng nghe! Phật đối với các thứ giới của thế gian, chẳng phải một giới, đều biết như thật, cho đến nói rộng.

Các thứ giới, nghĩa là biểu thị nghĩa đều khác, chẳng phải một giới: Biểu thị nghĩa số nhiều. Nên biết, giới trong đây, với chí tánh, tùy miên, pháp tánh, được gọi là sự sai khác.

Bốn lực như thế, đều duyên hữu vi, nên trong mười trí chỉ gồm nhiếp chín trí.

7. Trí lực biến thú hành, hoặc tiếng biểu thị nghĩa này, có hai cách: Nếu cho là, chỉ duyên các chủ thể hưởng đạo thì chín trí, trừ diệt trí. Nếu cho rằng gồm duyên quả mà đạo hưởng đến, thì sẽ dùng mười trí làm tánh. Nghĩa là biết như thật về nhân quả của sinh tử và biết trí không có trở ngại cho tận, đạo, gọi là trí lực biến thú hành.

Lại, Đức Phật tự nói về tướng của lực này: Bí-sô hãy lắng nghe! Trong tất cả hành hưởng khắp, Phật đều biết như thật, cho đến nói rộng.

Ý này biểu thị Đức Phật có khả năng biết như thật về hành hưởng đến sinh tử, hành hưởng đến Niết-bàn. Trong hưởng đến sinh tử, có khi hưởng đến địa ngục, cho đến hưởng tới trời. Trong mỗi hưởng lại có nhiều thứ. Hành hưởng đến Niết-bàn có ba thừa khác nhau, trong mỗi một hưởng lại có nhiều thứ. Căn cứ chung mà nói tên một hành hưởng khắp.

8. Trí lực túc trụ tùy niệm.

9. Trí lực tử sinh.

Hai lực như thế đều có tánh của trí thế tục. Vì tướng hai lực này có sai khác, nghĩa là như thật biết sự sai khác đời quá khứ của tự, tha, trí không ngăn ngại, gọi là lực thứ tám. Nếu như thật biết các loại hữu tình đời vị lai, các hữu nối tiếp sinh với trí không trở ngại gọi là lực thứ chín.

Lại, Đức Phật tự nói về hai tướng này: Bí-sô hãy lắng nghe! Phật biết như thật các thứ đời ở quá khứ của một đời, hai đời, cho đến nói rộng. Thiên nhân thanh tịnh của Phật siêu việt hơn con người, nhận thấy các hữu tình, cho đến nói rộng. Nói hai tướng này như trong sáu thông.

10. Trí lực lậu tận: Hoặc tiếng cùng biểu thị nghĩa có hai thứ:

a. Nếu cho chỉ duyên lậu tận làm cảnh, thì sáu trí trừ đạo, khổ, tập, tha tâm trí.

b. Nếu cho rằng gồm duyên phương tiện lậu tận, dùng mười trí làm tánh, về lý, lẽ ra như thế, vì nói trong tướng, đối với tận và vì tận

không có ngăn ngại. Hai loại đều gọi là lực trí lậu tận.

Lại Đức Phật tự nói về tướng của lực này: Bí-sô lắng nghe! Vì Phật lậu tận, nên đối với các tâm vô lậu, tuệ giải thoát, tự thể hiện thông đạt, đủ chứng lãnh thọ, có thể chính tự biết: Sự sinh tử của ta đã hết, cho đến nói rộng. Ba lực sau, tức là ba thông. Dùng ba lực thù thắng trong sáu thông này, ở địa vị Vô học, lập làm Tam minh, ở thân Như Lai cũng gọi là lực. Thần cảnh, thiên nhĩ được lập ở thân Phật, cũng vì không có công dụng lớn, nên không gọi là lực. Vả lại, như thiên nhãn, có thể thấy hữu tình, sự sai khác của dị thực trong đường thiện, ác. Do đó, có thể dẫn trí thù thắng sinh, cũng biết rõ đúng công năng chiêu cảm nghiệp kia. Do đó, kiến đặt tên gọi trí lực tử sinh. Thần cảnh, thiên nhĩ, không có công dụng lớn này, thế nên hai thông kia không được lập làm lực. Tuy nhiên, không nói riêng lực tha tâm, nghĩa là về nghĩa đã gồm nhiếp trong lực căn v.v... vì trong căn v.v... người khác, có tâm, tâm sở.

Lại, Đức Bạc-già-phạm có Nhất thiết trí, đối với công luận v.v... cũng được tự tại, mà về Phật sự ngang bằng với công luận này, đã hoàn thành. Trí khác, ở trong đó, không có công dụng thù thắng riêng, thế nên, dù có cũng không nói riêng, chỉ dựa vào mười thứ đối tượng nhận thức biết khắp mà Đức Phật tùy theo sự thích ứng đều viên mãn.

Vì sao gọi là mười thứ được nhận biết?

Nghĩa là nhân chẳng phải nghĩa nhân trong các pháp, phần nhiều là sự sai khác nghiệp quả của địa tán, phẩm loại công đức của địa định không đồng, căn, giải, giới của hữu tình đã được Phật hóa độ khác nhau. Sự sai khác nhân, quả của đối tượng trị, chủ thể trị nơi bờ mé trước, bờ mé sau đã từng trải bất đồng. Phương tiện lìa nhiễm, không nối tiếp nhau có khác, chỉ do biết rõ Phật sự này đã thành. Lập pháp khác có, không chẳng gây nên tổn ích, nên chỉ mười thứ được gọi là lực.

Lại, Đức Phật quán sát hữu tình được hóa độ, lập giáo thích ứng căn cơ, chỉ cần mười trí, nghĩa là do trí đầu tiên quán chúng sinh được hóa độ, có thể kham nhận, không thể kham nhận khác nhau trong các thừa. Do trí thứ hai quán chúng sinh được hóa độ. Nghiệp chướng sai khác ở trong nối tiếp nhau, do trí thứ ba quán chúng sinh được hóa độ, đối với tính lự v.v... có vị, không có vị, phiền não làm chướng ngại, sai khác nhẹ, nặng. Do biết hai nhân này, cũng biết chướng dị thực. Do trí thứ tư, quán chúng sinh được hóa độ, hưởng đến công năng sai khác của phẩm thanh tịnh. Do trí thứ năm quán, chúng sinh được Phật hóa độ, gia hạnh sai khác nơi phẩm chứng tịnh. Do trí thứ sáu quán chúng sinh được Phật hóa độ, vãng mạng chí tánh khác nhau đối với phẩm chứng tịnh.

Do trí thứ bảy quán chúng sinh được hóa độ, các việc đã thi hành có ích, không có ích, các thứ sai khác chánh quán tu chỉ. Do trí thứ tám quán chúng sinh được hóa độ, đã tập hợp sự sai khác trong đời quá khứ.

Do trí thứ chín quán chúng sinh được hóa độ, trong đời vị lai, kết sinh sai khác.

Do trí thứ mười, quán chúng sinh được hóa độ, phương tiện chứng đắc giải thoát có khác. Trong mười trí này, nếu hề thiếu bất cứ một trí nào là không đầy đủ sự hóa độ hữu tình, đa số lại vì không có công dụng, nên không thêm, bớt.

Đã nói về tự tánh, căn cứ ở địa riêng, nghĩa là trí thứ tám, thứ chín dựa vào bốn tính lực, tám trí còn lại, căn cứ chung mười một địa khởi bốn tính lực, cõi Dục, Vị chí, Trung gian và bốn Vô sắc, gọi là mười một địa. Các địa đức thù thắng, nói chung có từng ấy.

Đã nói căn cứ ở địa. Căn cứ ở thân khác nhau, nghĩa là đều dựa vào thân Phật, nam nữ của Châu Thiệm-bộ, chỉ thân này kham nhận làm đối tượng nương tựa của lực.

Mười trí như thế, Nhị thừa cũng có. Vì sao ở địa vị Phật mới thọ nhận tên lực.

Nói về thọ nhận tên lực, nghĩa là chuyển vận không có ngăn ngại. Trí Phật đối với cảnh, không có chuyển vận trở ngại, nên được gọi là lực, ngoài ra thì không đúng. Vì các Nhị thừa còn không có khả năng thấy các hữu tình nối tiếp nhau, thuận với thiện, phần giải thoát, hướng chi là có thể biết được phần sâu mầu nhỏ nhiệm khác. Như Tôn giả Xá-lợi-tử xả mong cầu, cứu độ con người, mà không thể quán biết chim ưng đã đuổi theo chim bồ câu. Hai đời trước, sau sinh nhiều, ít v.v... Tôn giả Đại Mục-kiền-liên không thể quán thấy gió nghiệp đã dẫn các quỷ sai khác. Thế nên, thiên nhân thông v.v... của Nhị thừa quán giới xa, gần, có khác với Phật, vì chẳng phải không có chướng ngại, nên không gọi là lực.

Hàng Nhị thừa và Phật, lậu tận đã đồng. Vì sao trí kia chỉ có Phật mới gọi là lực?

Chỉ có Đức Thế Tôn thông đạt khắp hữu tình, tất cả trí biệt tướng đã lậu tận, nghĩa là đức Bạc-già-phạm đối với các hữu tình, trí không có ngăn ngại đối với phẩm loại sai khác của tất cả lậu tận. Nhị thừa không như vậy, thế nên, tên lực chỉ thuộc về Phật.

Lại, chỉ vì trí chư Phật mạnh mẽ, lanh lợi. Mạnh mẽ lanh lợi là sao? trí lực Phật có công năng dứt nhanh chóng phiền não, và tập khí, như Bồ-đặc-già-la với sức mạnh, yếu cầm dao bén, lạt chặt đứt cỏ v.v...

Tướng uẩn của các loại hữu tình không có khác nhau, sao Phật quán có các thứ giới?

Các loài hữu tình với tướng uẩn dù đồng, nhưng ở trong đó đều sai khác, nghĩa là thể của các uẩn hữu tình kia dù không có khác, nhưng vẫn có vô lượng phẩm loại không đồng. Đức Phật biết đúng như lượng, đều không có trở ngại, nên Đức Thế Tôn được có các thứ giới trí lực. Hoặc danh xưng của các Như Lai rất cao xa, với trí tuệ ít có, diệu dụng vô biên, chỉ Phật có khả năng biết, không phải chỗ khác có thể so lường, ở chỗ khác hiểu rõ, không có trong tướng riêng, đâu trở ngại Như Lai có thể biết tướng riêng?!

Đã nói chung về lực tâm của Chư Phật, nay sẽ nói thời gian Bồ-tát cũng đã hoàn thành lực thân. Tụng rằng:

*Thân: Lực Na-la-diên
Hoặc chi tiết đều thể
Tăng mười lần bảy voi
Xúc này, xứ làm tánh.*

Luận nói: Lực Na-la-diên v.v... là sinh thân của Phật.

Có sư khác nói: Chi tiết của thân Phật, mỗi các thứ đều có lực Na-la-diên. Về lý, thật ra lực thân của chư Phật vô biên, cũng như lực tâm, vì có công năng gìn giữ đại công đức Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng.

Chi tiết thân của Đại giác, Độc giác và vua Chuyển luân, liên lạc nhau như thứ lớp chi tiết, trông giống như rỗng cuộn khúc, nối kết liên nhau, nên lực đối với lập của ba tướng có hơn, kém. Lực của Na-la-diên lượng nó thế nào? Tăng gấp mười lần mười lực của bảy thốt voi, nghĩa là Phạm tượng, Hương tượng, Ma-ha-Nặc-kiện-na, Bát-la-tắc, Kiến-đề, Phật-lăng-già-già, Thư-la.

Lực Na-la-diên sau sau, tăng gấp mười lần lực trước trước.

Có thuyết nói: Trước sáu mươi tăng gấp mười lần, đối địch với sức nửa thân Na-la-diên, năng lực này tăng gấp một lần thân Na-la-diên. Có Sư khác nói : Lượng này như ngàn trời Ái-la-phạt-noa, lực của tượng vương. Lực của Tượng vương này, lượng nó ra sao? Trời Ba mươi ba sắp dạo chơi nơi thượng uyển. Tượng vương biết rồi, hóa thành các đầu, được trang nghiêm đủ các thứ, đi qua chỗ cung trời. Quyển thuộc chư thiên thường có nhiều ngàn, cưỡi voi rồi, bay lên hư không trung, như cầm lá cây Hoa, nhanh chóng đến dạo chơi nơi vườn thượng, tùy ý vui vẻ.

Thế lực đại Tượng vương của trời như thế. Lực này mạnh gấp một ngàn lần Na-la-diên.

Trong các thuyết chỉ thường hợp lý. Lực thân như thế, dùng xúc xúc làm tánh. Tánh này thích ứng đều là sự sai khác của các xúc. Có thuyết nói: Chỉ là sai khác của đại chủng.

Có thuyết nói: Tạo xúc này lìa bảy hữu bên ngoài.

Có thuyết nói: Lực là nặng, người yếu kém là nhẹ.

Như thế, gọi là lực sinh thân của Phật. Tướng bốn vô úy của Phật khác nhau thế nào? Tụng rằng:

Bốn vô úy thứ lớp

Lực đầu mười, hai, bảy.

Luận nói: Bốn vô úy của Phật, như kinh nói rộng:

1. Vô úy chánh đẳng giác, dùng mười trí làm tánh, cũng như lực đầu tiên.

2. Vô úy lậu dứt hẳn: Có sáu, mười trí tánh, như lực thứ mười.

3. Thuyết chương pháp Vô úy chương, dùng tám trí làm tánh, như lực thứ hai.

4. Vô úy thuyết xuất đạo, có chín, mười trí tánh, như lực thứ bảy.

Vì sao vô úy của chư Phật chỉ có bốn?

Vì chỉ do số lượng này, biểu thị đức viên mãn của mình, người vì đều là rốt ráo của Phật, Đức Thế Tôn. Nghĩa là vô úy đầu tiên, biểu thị tự trí đức viên mãn của Phật, Đức Thế Tôn. Vô úy thứ hai, nêu rõ đoạn đức viên mãn của Phật, Đức Thế Tôn. Hai đức này cùng biểu dương sáng tỏ đức lợi mình viên mãn của Phật. Vì thể hiện rõ đức viên mãn lợi người của Đức Thế Tôn, thế nên, lại nói hai vô úy sau: Vô úy thứ ba, ngăn dứt thực hành tà đạo. Vô úy thứ tư khiến hưởng chánh đạo, nghĩa là ở mỗi chỗ, Đức Phật đã vì các đệ tử thuyết giảng nói pháp chương, sao cho dứt trừ, tức là khiến theo phương tiện của đức Tu đạo đoạn. Lại ở mỗi nơi, Phật vì chúng đệ tử nói về đạo xuất ly, sao cho chánh hạnh, tức là khiến tu phương tiện trí đức.

Hai vô úy này biểu thị đức lợi tha của Phật đã viên mãn, chỉ do bốn vô úy này, thuận theo đối tượng thích ứng với vô úy, biểu thị trí đức đoạn đức viên mãn tự, tha của Phật, đạt đến rốt ráo nên chỉ lập bốn thứ.

Sao có thể nói vô úy tức trí?

Lẽ ra nói vô úy là do trí mà thành, lý, thật phải như thế, vì chỉ rõ vô úy dùng trí làm nhân gần gũi. Thế nên, căn cứ nơi trí phát ra thể của vô úy.

Nói về người vô úy, nghĩa là không khiếp sợ, do có trí nên không khiếp sợ người khác, nên trí được làm tánh nhân của vô úy. Chỉ bốn

diệu trí của Phật là nhân của bốn vô úy. Nghĩa là các Như Lai đối với tất cả pháp, tất cả tướng diệu, trí là nhân của vô úy đầu tiên. Nếu các Như Lai, tất cả phiền não và tập khí đều do diệu Trí đoạn, thì chính là nhân của vô úy thứ hai. Chỉ Đức Phật, Đức Thế Tôn của ta do vì đủ vô úy này, nên dù bị xâm lấn, hủy hoại, không lo lắng, được cúng dường, khen ngợi, không hân hoan. Mặc dù thường chống trái, nhưng thường làm lợi ích, dù thêm đả phá, nhưng vẫn xót thương sâu đậm, dù có thần thông trí tuệ đặc biệt thù thắng giúp đỡ, nhưng không tỏ ra kiêu mạn. Đối với kẻ muốn lừa bịp, không khởi ngờ vực, giận dữ. Đối với kẻ ưa gần gũi, hầu hạ, không yêu thương thiên lệch. Dù thực hành nhiếp sự, nhưng không mong cầu được giúp đỡ. Dù buông lời quở trách, nhưng không muốn trái lìa. Dù xua đuổi tạm thời, nhưng không dùng lời nói thô, dù đuổi hẳn, nhưng không để cho họ phải rơi vào đường tà. Dù không có chút gì sợ hãi, nhưng không thô bỉ, hung dữ. Mặc dù thường thân ái mà vẫn không sinh lòng tham. Dù biểu dương rạng rỡ đức mình, nhưng không thuận theo danh lợi. Dù chỉ rõ lỗi người, nhưng không sỉ nhục họ. Dù thực hiện nhiếp hóa môn đồ, nhưng không thành lập bè nhóm mình. Dù quở trách bạn tà, nhưng không phá bỏ bè bạn người. Dòng họ trọng vọng, có tình cảm, thường đến gần gũi, nương tựa, chỉ bảo cho họ biết chánh pháp, mà không giao du với họ.

Các hành vi trên đây, đều do diệu trí lậu tận, nên diệu trí này làm nhân thứ hai.

Nếu các Như Lai biết chúng đệ tử có diệu trí có tổn, có ích, là nhân của hai vô úy sau. hoặc thể của vô úy tức bốn diệu trí. Yếu hèn, sợ sệt, gọi là úy. Sự sợ này tức đối với pháp, không được thấu đạt, là nghĩa ôm lòng sợ hãi, người trí đối với sự sợ sệt này có công năng đối trị gần. Vì trái với nỗi sợ hãi, nên gọi là vô úy.

Há không là không phải vô trí tức là thể của sự sợ? Làm sao nói thể của trí tức là vô úy?

Lời vấn nạn này không đúng, vì trí làm đối trị gần cho nhiều pháp, nên như, tức không có hoài nghi, nghĩa là trí như công năng đối trị gần vô trí, cũng như đối với sự sợ hãi, vì có công năng đối trị gần, nên được gọi là trí, cũng gọi là vô úy. Như đối trị vô trí cũng có công năng đối trị nghi, nên được gọi là trí, cũng gọi là quyết định. Vô trí, đối tượng được đối trị, dù không tức nghi, nhưng trí không có nghi, danh hai, thể một.

Như thế, mặc dù vô trí khác với sợ, nhưng tên vô úy tức gọi là thể của trí, vì một việc thiện có công năng dứt trừ nhiều pháp ác.

Có thuyết nói: Vô trí cũng gồm nhiếp thể của sự sợ sệt, nên ở đây

không nên đặt ra vấn nạn: Lực với vô úy có gì sai khác?

Vì thế không sai khác này đều cùng có trí. Nhưng đối với nghĩa riêng của thể trí, gọi lực. Lại, căn cứ ở nghĩa riêng đặt tên vô úy, nghĩa là nhân không khuất phục, nói gọi là lực, nhân không khiếp sợ nói tên vô úy. Hoặc đầu tiên an lập nói gọi là lực lập lực rồi, không lay động, gọi là vô úy. Hoặc không bị người khác chế ngự, gọi là lực, có khả năng chiết phục người khác, gọi là vô úy.

Có sư khác nói: dụ như thầy thuốc, thấu suốt khắp về phương thuốc, gọi là lực, khéo chữa lành mọi chứng bệnh, gọi là vô úy.

Có thuyết nói: Lực lưỡng tráng kiện, gọi là lực, mạnh mẽ dũng cảm, không khiếp sợ, gọi là vô úy.

Như thế, hai thứ nghĩa cũng có khác nhau: Nghĩa sự thành xong là nghĩa lực, nghĩa không yếu hèn kiêng sợ là nghĩa vô úy.

Ba niệm trụ của Phật khác biệt nhau thế nào? Tụng rằng:

Ba niệm trụ, niệm tuệ

Duyên với cảnh thuận, trái.

Luận nói: Ba niệm trụ của Phật, như kinh đã nói rộng.

Các chúng đệ tử hoàn toàn cung kính, có khả năng thực hành chánh thọ, Đức Như Lai duyên nơi chánh thọ đó, không sinh vui mừng. Xả mà thường an trụ chánh niệm, chánh tri. Đây gọi là niệm trụ thứ nhất của Như Lai.

Các chúng đệ tử không cung kính, không thực hành chánh thọ, Như Lai duyên theo đối tượng đó, không cảm thấy lo lắng, xả mà vẫn an trụ trong chánh niệm, chánh tri. Đây gọi là niệm trụ thứ hai của Như Lai.

Các chúng đệ tử gồm một loại cung kính, có khả năng thực hành chánh thọ, một loại không cung kính, không vận hành chánh thọ, Như Lai duyên theo họ, không cảm thấy hân hoan, lo buồn, xả mà vẫn an trụ chánh niệm, chánh tri. Đây gọi là niệm trụ thứ ba của Như Lai.

Dù có đối tượng hóa độ, dù không cung kính, lãnh thọ, thực hành, nhưng Phật Đức Thế Tôn vẫn mưa trận mưa pháp.

Do phương tiện này, chúng đệ tử kia, vào lúc khác, hoặc hữu tình khác vì nhập chánh pháp, nên không phải trước kia nói bốn, nay lại nói ba, có thể nói chung: Niệm trụ có bảy, nay ba vì gồm nhiếp trong bốn trước, nghĩa là ở pháp niệm trụ thuộc về duyên ngoài, nhưng thể của ba thứ này, có cả niệm, tuệ, tức do an trụ trong chánh niệm, chánh tri. Đối với ba cảnh không vui mừng, lo lắng, không thể thấy có các đại Thanh văn đối với ba cảnh, không sinh vui mừng, lo lắng. Ấy là ba thứ này

chẳng phải pháp không chung của Phật, chỉ Phật ở đây và vì tập dứt, nên khéo thấu suốt chủng tánh hữu tình khác nhau. Hoặc chúng đệ tử tùy theo Như Lai, có thuận, trái, đều cùng rất vui mừng, lo lắng, Đức Phật có khả năng không khởi, có thể nói là ít có, kỳ lạ, không phải tùy theo về các Thanh văn không khởi, vì không phải đặc biệt kỳ lạ, nên chỉ ở Phật được gọi là không chung.

Đại bi của chư Phật làm sao khác nhau? Tụng rằng:

*Đại bi chỉ tục trí
Cảnh hành tướng tư lương
Vì phẩm thượng bình đẳng
Khác bi, do tám nhân.*

Luận nói: Đại bi của Như Lai dùng tục trí làm tánh, duyên khắp tất cả hữu tình làm cảnh. Tạo ra ba hành tướng như khổ khổ v.v... nên không phải trí vô lậu có lý như thế.

Tên gọi đại bi này được căn cứ vào nghĩa nào lập?

Vì căn cứ ở năm nghĩa, nên gọi là đại:

1. Vì tư lương nên đại, nghĩa là nhờ đại phước đức trí tuệ, làm tư lương được thành tựu.
2. Vì hành tướng nên đại, nghĩa là vì năng lực này có công năng tạo tác đối với hành tướng của cảnh ba khổ.
3. Vì sở duyên nên đại, nghĩa là ở đây dùng chung hữu tình nơi ba cõi, làm sở duyên.
4. Vì bình đẳng nên đại, nghĩa là bình đẳng này, làm lợi lạc cho tất cả hữu tình.
5. Vì phẩm thượng nên đại, nghĩa là phẩm trên hết, không còn có bi nào khác có công năng ngang bằng với phẩm này.

Có sư khác nói: Do gia hạnh đại, đã chứng đắc. Chỉ thân Đại sĩ đã thành tựu, vì nhập số ngọc báu của đại công đức, nên có khả năng cứu vớt các khổ não lớn của hữu tình.

Tên gọi đại bi, và bi có gì khác nhau?

Sự sai khác của hai thứ này do tám thứ nhân:

1. Do tự tánh. Vì tự tánh của vô sân, vô ngại khác nhau.
2. Do dựa vào thân chung khác, chỉ Phật dựa vào thân khác nhau.
3. Do hành tướng, vì hành tướng của một khổ, ba khổ khác nhau.
4. Do sở duyên. Vì sở duyên của một cõi, ba cõi khác nhau.
5. Do dựa vào địa, có cả tính lực thứ tư còn lại có khác nhau.
6. Do chứng đắc. Là dục Hữu đẳng, vì chứng đắc khác. Lại, bi là

đắc trước khi lìa nhiễm, chỉ vì lìa nhiễm, đắc có sai khác.

7. Do cứu giúp, việc hy vọng thành và cứu giúp khác.

8. Do thương xót, vì thương xót bình đẳng, không bình đẳng khác nhau.

Có sư khác nói: Đại bi của chư Phật, xa, tinh tế, thuận theo khắp, có thể làm lợi ích cùng khắp. Loại Thanh văn v.v... đã khởi tâm bi, không thể thương xót cõi Sắc, Vô sắc. Đức Phật đối với cõi trên, khởi tâm thương xót cùng cực, vượt qua hàng Nhị thừa.

Xót thương ngục Vô gián rồi, nói về đức của Phật khác và hữu tình khác, pháp đối nhau của chư Phật đều bình đẳng phải không? Tụng rằng:

*Pháp thân do tư lương
Lợi tha Phật tương tự
Lượng chủng tánh thọ mạng
Chư Phật có sai khác.*

Luận nói: Do ba sự, nên chư Phật đều bình đẳng:

1. Do tư lương bình đẳng, vì viên mãn.
2. Do pháp thân bình đẳng, vì thành tựu.
3. Do lợi tha bình đẳng vì rốt ráo.

Do sự sống lâu, chủng tánh, lượng thân đều khác. Chư Phật đối nhau, chấp nhận có sai khác.

Sự sống lâu khác, nghĩa là tuổi thọ của Phật có ngắn, dài.

Chủng khác: Nghĩa là Phật sinh dòng Sát-đế-lợi Bà-la-môn. Tộc tánh khác: Tộc tánh Phật là Kiền-đáp-ma, Ca-Diếp-Ba v.v...

Lượng khác: Thân Phật có nhỏ, lớn v.v...

Nói rạng rỡ pháp chư Phật, trụ lâu, gần v.v...

Như thế, có khác, là do thời gian xuất thế, Phật đã hóa độ hữu tình, vì căn cơ thích hợp khác nhau, nên các người có trí tư duy Như Lai có ba thứ đức viên mãn, sinh yêu kính sâu xa. Ba thứ đức đó là:

1. Đức nhân viên.
2. Đức quả viên.
3. Đức ân viên.

Đức nhân viên đầu tiên, lại có bốn thứ:

1. Tu vô dư: Hai thứ tư lương: phước đức, và trí tuệ, vì tu không sót.

2. Tu trong thời gian dài: Trải qua ba A-tăng-xí da-đại-kiếp, vì tu không mỗi mội.

3. Tu Vô gián: Tinh tiến, siêng năng, mạnh mẽ, vì sát-na, sát-na

tu không dở dang.

4. Tu tôn trọng: Cung kính việc học, không có đốai tưởng, luyến tiếc, tu không có kiêu mạn.

Kế là, đức quả viên cũng có bốn thứ:

1. Đức trí viên.
2. Đức đoan viên.
3. Đức oai thế viên.
4. Đức sắc thân viên.

Đức trí viên có bốn thứ:

1. Trí vô sư
2. Nhất thiết trí
3. Nhất thiết chủng trí
4. Trí không công dụng

Đức đoan viên có bốn thứ:

1. Dứt tất cả phiền não.
2. Dứt tất cả chương định.
3. Dứt cuối cùng.
4. Điều tập dứt.

Đức oai thế viên có bốn thứ:

1. Oai thế đối với cảnh ngoài, biến hóa, trụ trì tự tại.
2. Oai thế đối với tuổi thọ, hoặc ngắn, hoặc dài tự tại.
3. Oai thế đối với không chương ngại, rất xa, tốc hành, tướng lớn, nhỏ, nhập tự tại.

4. Oai thế khiến các thứ bản tánh thế gian, pháp như thế chuyển vận thù thắng, ít có kỳ lạ.

Đức oai thế viên lại có bốn thứ:

1. Chúng sinh khó hóa độ, sẽ được hóa độ.
2. Trả lời các vấn nạn sẽ được quyết nghị.
3. Lập giáo tất phải xuất ly.
4. Các ác huân sẽ được chế phục.

Đức sắc thân viên có bốn loại:

1. Đủ các tướng.
2. Đủ tùy hảo.
3. Đủ sức mạnh.
4. Trong Thân, xương cứng còn hơn kim cương.

Bên ngoài phát ra ánh sáng thân vượt qua trăm ngàn ngày.

Đức ân viên sau cũng có bốn thứ: Nghĩa là khiến giải thoát hẳn sinh tử trong ba đường ác. Hoặc có năng lực an trí pháp thiện, hưởng

đến ba thừa. Nói chung, đức viên của Như Lai là như thế. Nếu phân tích riêng thì sẽ có vô biên, chỉ Phật, Đức Thế Tôn mới có đủ khả năng nhận biết. Có thể nói, phải để lại hành mạng trải qua nhiều A tăng xí da đại kiếp mới có thể nói hết.

Như thế, chứng tỏ thân của Phật, Đức Thế Tôn có đủ vô biên tính chất thù thắng, đặc biệt kỳ lạ.

Đức ân nhân quả, như núi báu lớn, có các người ngu tự thiếu mọi đức, dù nghe nói công Đức Phật như thế và pháp Phật giảng nói, nhưng không thể tin tưởng, trân trọng. Các người có trí nghe nói như thế, sinh lòng tin kính trọng rất mực sâu xa.

Người trí kia do một niềm tin tưởng cùng cực, tâm trân trọng, chuyển diệt vô biên nghiệp ác bất định, vì nhiếp thọ Niết-bàn thù thắng của hàng người, trời, nên nói: Như Lai xuất hiện ở đời, làm ruộng phước vô thượng cho những người trí. Dựa vào ruộng phước đó, dẫn sinh quả bất không, đáng yêu, thù thắng, nhanh chóng tốt ráo, như đấng Bạc-già-phạm tự nói. Tụng rằng:

*Nếu đối ruộng phước Phật
Trông được chút điều thiện
Trước được cõi thiện hơn
Sau sẽ đạt Niết-bàn.*

Đã nói công đức không chung của Như Lai, công đức chung nay sẽ nói. Tụng rằng:

*Lại pháp Phật có khác
Thánh và Phạm phu, khác
Là Vô tránh, Nguyên trí
Cùng đức vô ngại giải v.v..*

Luận nói: Đức Thế Tôn lại có vô lượng công đức, với bậc Thánh khác và phạm phu chung, nghĩa là Vô tránh, Nguyên trí, Vô ngại giải có cả tính lự Vô sắc, đẳng chí, đẳng trì, vô lượng giải thoát, thắng xứ, biến xứ v.v... Tùy theo đối tượng thích ứng với công đức kia. Nghĩa là ba môn trước chỉ chung với Thánh khác, có cả Tính lự v.v... cũng chung với phạm phu. Mặc dù tất cả công đức trong thân Phật, hành tướng thanh tịnh thù thắng tự tại với công đức của Thanh văn v.v... có khác, nhưng nói theo đồng loại, thì gọi là chung. Và lại, chung với Thánh khác, trong ba công đức vô tránh là thế nào? Tụng rằng:

*Thế tục trí, vô tránh
Tính lự sau bất động
Ba châu duyên chuta sinh*

Cõi Dục có sự hoặc.

Luận nói: Có A-la-hán nhớ được nhiều đời trước, đã thọ thân tạp loại, phát ra hoặc của mình và người, do sự nối tiếp ấy, nên thọ nhận quả phi ái, bèn nghĩ rằng: Có thân phiền não, duyên thân khởi hoặc, còn chiêu cảm quả khổ, hướng chi lìa phiền não, thân đầy đủ đức thù thắng. Nghĩ đoạn, phát sinh trí tướng như thế.

Do phương tiện này, khiến hữu tình khác, không duyên thân mình sinh tham, giận v.v...

Trí này chỉ dùng tục trí làm tánh, duyên người khác tu vị lai dứt hoặc, không phải trí vô lậu chuyển vận hành tướng này.

Nếu thể của vô tránh thuộc về trí thì sao nói tập đẳng trì vô tránh?

Điều này không trái nhau, vì một phẩm tương ứng có nhiều công đức, vì tùy theo nói một, như trong một quả núi, có vô số vật nêu bất cứ một thứ nào để tiêu biểu cho tên núi. Về lý, lẽ ra vô tránh là thuộc về trí được sự nối tiếp của người khác. Hoặc vị lai sẽ sinh phương tiện khéo làm sự trước mới thành. Tuy nhiên, tất cả tránh (tranh chấp), gồm có ba thứ: Uẩn, lời nói, phiền não, vì có sai khác.

Uẩn tránh, nghĩa là tử. Nói tránh, là tranh chấp. Phiền não tránh, nghĩa là một trăm lẻ tám phiền não. Do năng lực của trí thế tục này có thể ngăn dứt phiền não tránh, nên được gọi là vô tránh. Trí này chỉ dựa vào tĩnh lự thứ tư, vì trái với nhân khổ. Vì tĩnh lự thứ tư trong lạc thông hành rất thù thắng, quả bất động ứng hợp có thể khởi, không phải thứ khác. Pháp khác còn không thể tự đề phòng khởi hoặc, hướng chi có khả năng thôi dứt phiền não của thân người. Trí này nương dựa nơi thân người của ba châu, không phải châu phía Bắc và tánh khác, vì mãnh liệt, nhạy bén, nên duyên nơi hoặc hữu sự chưa khởi của cõi Dục mà sinh. Chớ cho rằng vì khiến hoặc của người khác duyên nơi ta mà sinh, nên các hoặc vô sự không thể ngăn dứt, bên trong khởi tùy theo thích ứng, vì duyên chung cảnh.

Đã nói vô tránh. Nguyện trí thế nào? Tụng rằng:

Nguyện trí hay duyên khắp

Khác, như nói vô tránh.

Luận nói: Lấy nguyện làm trước, dẫn diệu trí khởi, vì như nguyện mà hiểu rõ, nên gọi là nguyện trí. Tự tánh của trí này, thân, chủng tánh của địa đều đồng với vô tránh, chỉ sở duyên là khác, vì tất cả pháp đều là sở duyên.

Sao nguyện trí có thể biết vị lai?

Vì xem xét quán sát quá khứ, hiện tại, mà so sánh biết, như quan sát lúa mạ có tươi, có úa, so sánh biết thửa ruộng kia có tốt, có xấu.

Nếu vậy, vì sao đặt tên nguyện trí?

Vì phàm phu Hữu học cũng có thể nhận biết. Không đúng, thì chỗ đã nhận biết có nhất định, không nhất định, nghe nói các đại Thanh văn ghi nhận sự việc vị lai có bất định, nghĩa là không phải khởi nguyện trí có biết sai lầm này. trí thế tục khác vì quán đối tượng ghi nhận riêng. Hoặc đại Thanh văn kia đã ghi nhận Nguyện trí có lỗi bất định, vì chỉ quán ở lúc bắt đầu, không quán sau cùng, như trước khi mưa xuống, trong lúc chưa xuống tới đất. Vì bỏ chỗ kế thừa của La-hỗ-la, nên trước mang thai, kỳ thật là nam, thời gian sau, người kia chuyển biến hình thành nữ (?).

Quý ở thành Vương xá, lúc đầu chiến đấu được thắng. Về sau, nơi thành Quảng Nghiêm, các quý bị chế phục, vì con người muốn đánh quý thì chiến đấu trước.

Hoặc thật nguyện trí mới thấy vị lai. Nhưng khi gia hạnh, trước khởi tị trí, quán đời quá khứ, hiện tại, so lường vị lai, dẫn nguyện trí sinh, mới thấy đúng được, tức vì thấy đúng này, nên có thể biết Vô sắc, nghĩa là trước quán nhân ở cõi Vô sắc, hành đẳng lưu, có tị trí sinh, dẫn chân nguyện trí.

Hoặc quán tâm khi tử sinh cõi Dục, cõi Sắc, so lường xét mà biết được từ chỗ đã sinh, dẫn sinh nguyện trí, mới có khả năng biết thật. Hoặc tị trí biết cũng không có lỗi, vì chứng nơi sở duyên của tị trí là đồng.

Nếu so sánh không biết làm sao có thể chứng? Cho nên nguyện trí lẽ ra không thể nói?

Năng lực duyên khắp ba cõi, ba đời. Các A-la-hán bất thời giải thoát khi muốn biết rõ đúng về cảnh kia, thì trước, phải nguyện: Ta biết kia. Về sau, nhập bờ mé, tĩnh lự thứ tư, dùng làm gia hạnh.

Từ Vô gián này, như nguyện lực trước, dẫn chánh trí khởi, đối với cảnh đã trông mong, đều biết đúng như thật. Nói bờ mé định như sau sẽ giải thích.

Năng lực của nguyện trí này, có thể biết quá khứ, sai khác thế nào với trí túc trụ?

Nguyện trí biết cả tự tướng, cộng tướng, các trí túc trụ biết cộng tướng không phải khác, biết trong cộng tướng cũng có sai khác. Nguyện trí hiểu rõ ràng, sáng suốt, túc trụ không như vậy, đối với sở duyên hiện tại, đối với tha tâm trí, nói tướng sai khác, nên tư duy đúng như lý.

